**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**BÀI 8. NHỮNG CUNG BẬC TÌNH CẢM**

**(Thơ song thất lục bát)**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: Vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

- Nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

- Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

**2. Phẩm chất**: Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học liệu:** Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

**III. Tiến trình dạy học**

**PHẦN TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Hoạt động 1: Khởi động**

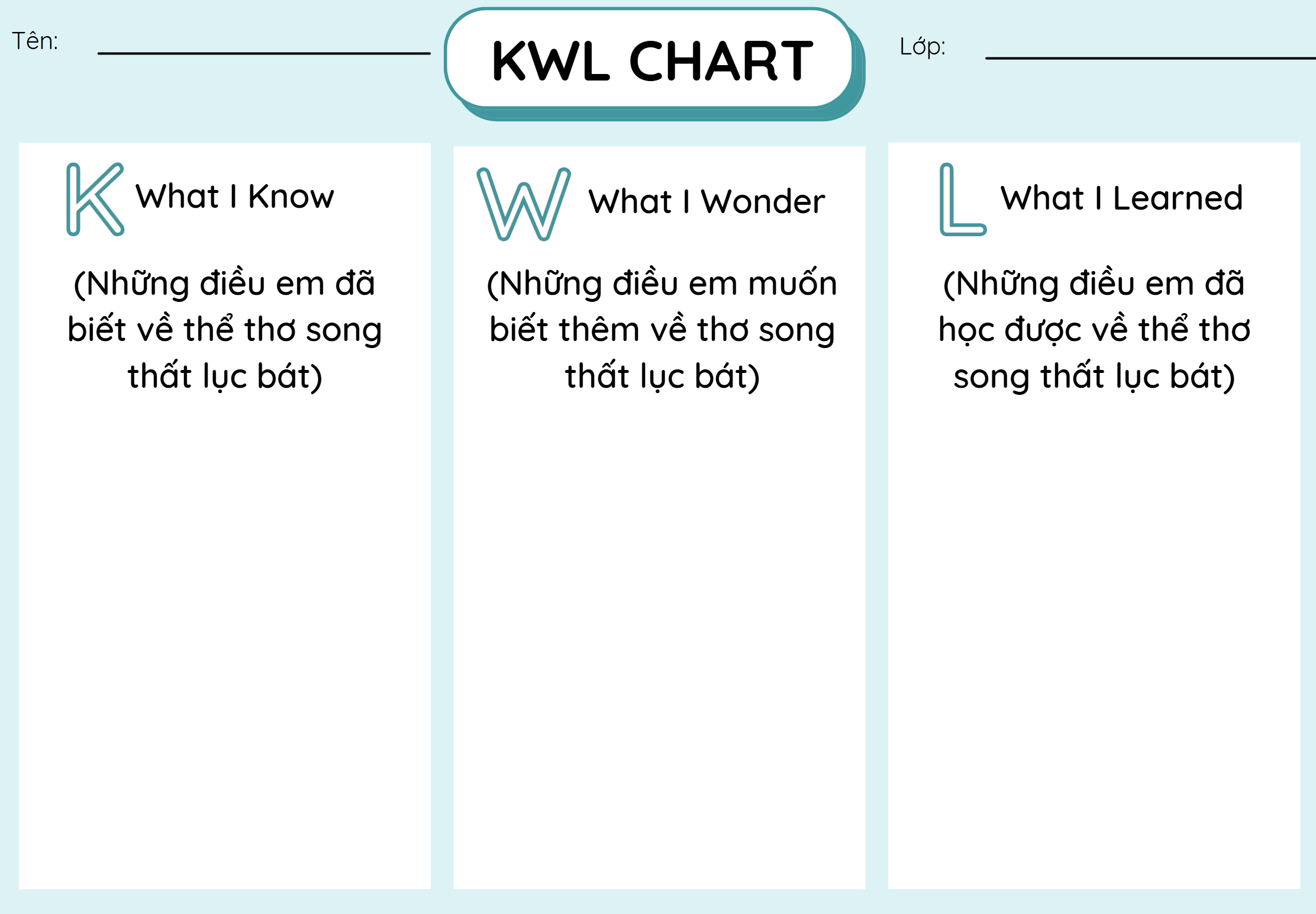
**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

**b. Nội dung**: GV cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Cách 1. GV áp dụng kĩ thuật KWL**



**Cách 2:** GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động: Bản đồ Tâm trạng. Trên bản đồ, có nhiều địa điểm đã ghi tên những loại cảm xúc khác nhau, yêu cầu HS viết/dán tên của mình vào vùng cảm xúc tương ứng (nếu đang cảm thấy hạnh phúc, HS sẽ dán/viết tên của mình vào vùng “Hạnh phúc”). Sau đó, GV lựa chọn 1 vài HS yêu cầu HS nêu lý do tại sao lại lại có cảm xúc, tâm trạng như vậy và làm thế nào để HS có thể đối phó với cảm xúc, tâm trạng ấy của mình.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Từ “Bản đồ tâm trạng”, chúng ta thấy rõ rằng cuộc sống là sự đan xen của muôn vàn cung bậc cảm xúc. Chính sự đa dạng ấy đã làm cho cuộc sống trở nên phong phú và đáng sống hơn. Mỗi cảm xúc mà chúng ta trải qua, dù là hạnh phúc hay khó khăn, đều là những trải nghiệm quý báu, giúp chúng ta hiểu hơn về bản thân và thế giới xung quanh. Những cung bậc tâm trạng ấy có thể được gửi gắm vào thơ, để lại cho người đọc nhiều xúc cảm và suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc sống. Để khám phá về những cảm xúc này, chúng ta sẽ bước vào một hành trình mới qua những tác phẩm văn học độc đáo – những bài thơ thuộc thể thơ song thất lục bát. Với sự kết hợp nhịp nhàng giữa câu song thất và lục bát, thể thơ này không chỉ mang đến âm điệu du dương, mà còn là công cụ tuyệt vời để biểu đạt những cung bậc tâm trạng sâu lắng.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** nắm được tri thức về thể thơ song thất lục bát

**b. Nội dung**: GV cho HS làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm:** phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động BÁO CÁO SẢN PHẨM**    GV yêu cầu HS xác định số câu, số chữ trong từng câu, so sánh với thể thơ lục bát.  *…Ăn gan ấy mới hầu thỏa dạ,*  *Uống huyết kia mới hả giận này.*  *Ví dù gan nát, óc lầy,*  *Cho rằng da ngựa bọc thây cũng đành…*  (Phan Kế Bính, bản dịch *Dụ chư tì tướng hịch văn*)  **Biến thể**  *Trời Hậu Giang, tù và dậy rúc*  *Phèng la kêu, trống giục vang đồng*  *Đường quê đỏ rực cờ hồng*  *Giáo gươm sáng đất, tầm vông nhọn trời*  *Quyết một trận, quét đời nô lệ*  *Quăng máu xương, phá bẻ xiềng gông!*  *Hỡi ôi! Việc chửa thành công*  *Hôm nay máu chảy đỏ đồng Hậu Giang*  *Giặc lùng, giặc đốt xóm làng*  *Xác xơ cây cr, tan hoang cửa nhà*  *Một vùng trắng bãi tha ma*  *Lặng im không một tiếng gà gáy trưa.*  (Tố Hữu, *Bà má Hậu Giang*)  - Tương tự thể lục bát, song thất lục bát cũng có hiện tượng biến thể; có khi bài thơ mở đầu bằng cặp lục bát chứ không phải cặp song thất; có khi một số cặp lục bát liền nhau sau đó mới có cặp song thất; có khi số chữ của các câu thơ không theo quy định.  - Ví dụ bài thơ “Bà má Hậu Giang” của Tố Hữu  - Thể thơ song thất lục bát có hiện tượng biến thể. Có những đoạn các cặp lục bát liền nhau mà không đan xen từng cặp câu song thất với từng cặp câu lục bát  **GV áp dụng kĩ thuật KHĂN TRẢI BÀN**    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi và hoàn thành nhiệm vụ  - HS suy nghĩ, lắng nghe và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá | **1. Khái niệm**  - Thơ song thất lục bát là thể thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu - tám tiếng) luân phiên kế tiếp nhau trong toàn bài.  - Có thể được chia khổ hoặc không, số câu thơ trong mỗi khổ cũng không cố định.  **2. Đặc điểm thi luật**  **Về vần**  - Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ 5 của dòng thất tiếp theo (vần trắc).  - Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng).  - Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ 6 của dòng bát (vần bằng).  - Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ 5 của dòng thất kế đó (vần bằng).    Ví dụ phân tích gieo vần trong bài thơ “Chinh phụ ngâm” (Đặng Trần Côn)    Ví dụ phân tích gieo vần trong bài thơ “Tiếng đàn mưa” (Bích Khê)    **Về thanh điệu**  - Cặp song thất lấy tiếng thứ ở vị trí thức 3 làm chuẩn, có thể là thanh B hoặc thanh T không bắt buộc.  - Cặp lục bát, tuân thủ theo sự đối xứng B-T theo quy định  **Về ngắt nhịp**  - Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4  - Dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn  + dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2  + dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2  - Một số câu thơ có thể đọc theo những cách ngắt nhịp khác nhau, mỗi cách ngắt nhịp tạo ra một nghĩa, giúp người đọc có được sự đa dạng trong cảm thụ.  **3. Sự khác biệt giữa thơ song thất lục bát và thơ lục bát**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Thơ lục bát** | **Thơ song thất lục bát** | | **Số chữ, số dòng** | Một cặp lục bát gồm một dòng lục và một dòng bát. | Mỗi khổ thơ bốn dòng được cấu trúc bằng hai dòng thất kết nối với hai dòng lục bát. | | **Vần** | Tiếng thứ sáu của dòng lục vần với tiếng thứ sáu của dòng bát kế nó, tiếng thứ tám của dòng bát vần với tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo. | Hiệp vần ở mỗi cặp, cặp song thất có vần trắc, cặp lục bát có vần bằng; giữa cặp song thất và cặp lục bát có vần liền. | | **Nhịp** | Thường ngắt nhịp chẵn, ví dụ: 2/2/2, 2/4/2,… | Thường ngắt nhịp 3/4 ở hai dòng thất, 2/2/2 và 2/2/2/2 ở cặp lục bát. | | **Hài thanh** | Các tiếng ở vị trí 1,3,5,7 có thể phối thanh tự do. Riêng tiếng ở vị trí 2,4,6,8 phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định: Tiếng thứ hai là thanh bằng; tiếng thứ tư là thanh trắc; riêng trong dòng bát, nếu tiếng thứ sáu là thanh bằng (ngang) thì tiếng thứ tám phải là thanh bằng (huyền) và ngược lại. | Cặp song thất lấy tiếng ở vị trí thứ ba làm chuẩn, có thể có thanh bằng hoặc thanh trắc nhưng không bắt buộc. Cặp lục bát thì sự đối xứng bằng - trắc chặt chẽ hơn (giống như thơ lục bát). | |

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết.....: Văn bản 1**

**Nỗi nhớ thương của người chinh phụ**

*Nguyên tác chữ Hán: ĐẶNG TRẦN CÔN*

*Bản diễn Nôm: Phan Huy Ích*

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: Vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Về phẩm chất:** Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi gợi dẫn

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1**: GV chuẩn bị một bộ thẻ ghi tên các cuộc chiến đã diễn ra trong thế kỷ XVII - Một thời kì tao loạn của lịch sử - yếu tố quan trọng quyết định sự ra đời của các tác phẩm viết về đề tài chiến tranh, trong đó có miêu tả các nạn nhân của chiến tranh.

(Trịnh – Nguyễn phân tranh, khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng, khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương, khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu, khởi nghĩa Hoàng Công Chất). Yêu cầu mỗi nhóm chọn một cuộc chiến và trình bày những thông tin và ý nghĩa của cuộc chiến đó.

+ Trịnh – Nguyễn phân tranh: phân chia lãnh thổ giữa chế độ “vua Lê chúa Trịnh” ở phía bắc sông Giang (Đàng Ngoài) và chúa Nguyễn cai trị ở phía nam (Đàng Trong), mở đầu khi Trịnh Tráng đem quân đánh Nguyễn Phúc Nguyên năm 1627 và kết thúc vào năm 1777 khi chúa Nguyễn sụp đổ.

+ Khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng (1737) ở Sơn Tây.

+ Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương (1740 – 1751) ở khu vực nay thuộc các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ.

+ Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu (1741 – 1751) xuất phát từ Đồ Sơn (Hải Phòng), di chuyển lên Kinh Bắc (Bắc Giang, Bắc Ninh), uy hiếp kinh thành Thăng Long rồi xuống Sơn Nam, vào Thanh Hóa, Nghệ An.

+ Khởi nghĩa Hoàng Công Chất (1739 – 1769) trên địa bàn trấn Sơn Nam.

NV2: Theo em, những cuộc tiễn đưa trong chiến tranh có gì khác biệt so với tiễn đưa trong hoàn cảnh bình thường của cuộc sống?

***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:*** *Mỗi cuộc chia li đều chứa đựng trong đó biết bao khoảng lặng: sự buồn bã, cảm giác lưu luyến, hay thương cảm… Chẳng ai mong muốn trong cuộc sống của mình phải diễn ra những giây phút chia li đó. Nhân vật trong bài học của chúng ta ngày hôm nay cũng vậy, đau buồn hơn, cuộc chia li của cô gái đó không hẹn trước ngày gặp lại, cũng có khả năng không thể gặp lại. Vậy hồi kết của câu chuyện đó như thế nào, cô gái đó là ai, tại sao cuộc chia li lại xảy ra, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học ngày hôm nay nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn HS đọc văn bản và hướng dẫn HS giải thích một số từ ngữ khó qua hoạt động Ghi chú từ vựng**  - Viết vào sổ tay hoặc giấy ghi chú những từ ngữ khó khi đọc văn bản.  - Sau đó, chia sẻ với cả lớp những từ ngữ khó đó và cùng nhau giải thích.  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Em hãy nêu những nét khái quát về tác giả Đặng Trần Côn và Phan Huy Ích  + Hãy trình bày hoàn cảnh sáng tác, thể loại, xuất xứ….của tác phẩm “Chinh phụ ngâm” và vị trí của đoạn trích “Nỗi nhớ thương của người chinh phụ”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - HS báo cáo sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, chú thích**  a. Đọc  - Đọc to, rõ ràng, diễn cảm, giọng đọc trầm buồn, lắng đọng và thể hiện nỗi niềm xót xa,…  - Chú ý sử dụng các chiến lược đọc trong các thẻ chỉ dẫn: *suy luận, tưởng tượng*  b. Chú thích  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **Đặng Trần Côn**  - Sống khoảng thế kỉ XVIII  - Quê: làng Mọc (làng Nhân Mục), nay thuộc Hà Nội.  - Ông đỗ hương cống, làm quan tới chức Ngự sử đài chiếu khám.  - Tác phẩm của ông chú trọng thể hiện tình cảm riêng tư, nỗi niềm trắc ẩn của con người  - Sáng tác tiêu biểu: *“Chinh phụ ngâm khúc”, “Tiêu tương bát cảnh”, ba bài phú “Trương Hàn thuần lô, Trương Lương bố ý, Khấu môn thanh,…*  **Phan Huy Ích**  - Phan Huy Ích (1750- 1822)  - Quê: Hà Tĩnh  - Làm quan dưới thời Chúa Trịnh- Vua Lê  - Là một trong những người dịch *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn.  **b. Tác phẩm**  **\* Tác phẩm “Chinh phụ ngâm”**  - Hoàn cảnh sáng tác: Theo sử liệu, vào đời vua Lê Hiển Tông có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra nên triều đình phải cất quân đi đánh dẹp, nhiều trai tráng giã từ gia đình để ra trận. Xúc động trước nỗi đau của người vợ có chồng đi chinh chiến, Đặng Trần Côn đã viết nên tác phẩm này.  - Nhan đề: “Chinh phụ ngâm”/ “Chinh phụ ngâm khúc”: Khúc ngâm của người phụ nữ có chồng ra trận.  - Nội dung  + Kể về tâm trạng, hoàn cảnh của người thiếu phụ có chồng đi đánh giặc xa chưa về  + Thể hiện sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa.  + Nỗi khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi.  - Thể loại: Ngâm/ngâm khúc  - Thể thơ:  **+ Nguyên tác chữ Hán**: thể **trường đoản cú**  **+ Bản dịch Nôm:** thể **song thất lục bát**  - Dung lượng  **+ Nguyên tác chữ Hán**: 478 câu thơ  **+ Bản dịch Nôm:** 408 câu thơ  **\* Đoạn trích “Nỗi niềm chinh phụ”**  **- Vị trí**: gồm 28 câu thơ (Từ câu 125 đến câu 152) |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Nắm được

+ Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích

+ Nét độc đáo của đoạn trích thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, BPTT

+ Bố cục và mạch cảm xúc của đoạn trích

+ Chủ đề, cảm hứng chủ đạo và thông điệp của đoạn trích

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động CHECK THỂ THƠ, yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn và hoàn thành PHT**    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS chia nhóm thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích**  \* Số chữ, số dòng trong một khổ thơ  - VB có 7 khổ thơ  - Mỗi khổ thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu – tám tiếng)  \* Vần: Hiệp vần ở mỗi cặp, cặp song thất có vần trắc (liễu - nẻo), cặp lục bát có vần bằng (già - nhà); giữa cặp song thất và cặp lục bát có vần liền (ca - già).  Ví dụ:  *Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu (T),*  *Hỏi ngày về ước nẻo (T) quyên ca (B).*  *Nay quyên đã giục oanh già (B),*  *Ý nhi lại gáy trước nhà (B) líu lo (B).*  *Thuở đăng đồ mai chưa (B) dạn gió,*  \* Nhịp  - Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4  - Dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2).  Ví dụ:  Thuở lâm hành/ oanh chưa bén liễu,  Hỏi ngày về/ ước nẻo quyên ca.  Nay quyên/ đã giục/ oanh già,  Ý nhi/ lại gáy/ trước nhà/ líu lo.  **🡪 Bài thơ tuân thủ thi luật của thể thơ Song thất lục bát.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV tổ chức hoạt động GỌI TÊN CẢM XÚC**  **+ Nhóm 1,2:** dòng thơ 125-140  Liệt kê những từ ngữ, hình ảnh cho biết lời hẹn lúc ra đi của người chinh phụ và hoàn cảnh thực tế thông qua lời của người chinh phụ  Theo em, các từ ngữ, hình ảnh chỉ thời gian và địa điểm gặp gỡ có vai trò gì trong việc bộc lộ tình cảm của người chinh phụ?    **+ Nhóm 3,4**: dòng thơ 141-152  Tâm trạng của người chinh phụ từ dòng 141 đến dòng 152 có gì khác so với đoạn trước đó? Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật miêu tả tâm trạng trong đoạn này.    **THẢO LUẬN NHANH: Sự lặp lại có tính quy luật 7 – 7 – 6 – 8, vần, nhịp, đối và phép điệp (điệp ngữ, điệp cấu trúc) trong văn bản có tác dụng gì trong việc biểu đạt tâm trạng, cảm xúc của người chinh phụ?**  - Sự lặp lại có tính quy luật 7 – 7 – 6 – 8, vần, nhịp, đối và phép điệp (điệp ngữ (*rêu xanh, bóng dương*,…) và điệp cấu trúc (*Thuở lâm hành…, Thuở đăng đồ…, Hỏi ngày về…, Hẹn cùng ta…, Hẹn nơi nao…, Xót người…,...)*  - Tác dụng:  + Góp phần tô đậm nỗi nhớ thương, mong ngóng chồng của người chinh phụ  + Nỗi thất vọng, đau đớn vì sự sai hẹn của chồng so với buổi ra đi  + Sự trách móc “mười hẹn chín thường đơn sai” pha lẫn xót thương cho người “lần lữa ải xa, nương chốn Hoàng Hoa dặm dài”.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS chia nhóm thảo luận, lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Nét độc đáo của đoạn trích thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, BPTT**  **\* Dòng thơ 125 - 140**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Lời hẹn của người chinh phu** | **Hoàn cảnh thực tế** | | **Ngày gặp gỡ** | - Oanh chưa bén liễu  - Mai chưa dạn gió | - Oanh già, ý nhi gáy trước nhà  - Tuyết mai trắng bãi, … | | **Nơi gặp gỡ** | - Lũng Tây Nham  - Hán Dương cầu | - Lá rụng cành trâm  - Bãi hôm tuôn dẫy nước trào mênh mông | | **Nhận xét** | - Sử dụng hình ảnh ước lệ  🡪 Lời hẹn cụ thể, gây mong đợi | 🡪 Hoàn cảnh thực tế hoàn toàn sai biệt: lỗi hẹn cả về thời gian và không gian. | | **Tâm trạng** | **🡪 Nỗi thất vọng, đau khổ**  **🡪 Nỗi nhớ thương, mong ngóng, ngóng trông mòn mỏi, tuyệt vọng.** | |   **\* Dòng thơ 141 - 152**  **Hoàn cảnh**  - Tin thường lại >< người không lại  - Thư thường tới >< người chưa tới  - Lời mười hẹn >< chín thường đơn sai  **Thời gian**: Hoa dương tàn trải rêu xanh, rêu mấy lớp, bóng dương, tiền sen đã nảy là ba  🡪 Thời gian rất dài, rất lâu  **Địa điểm**: Ải xa, Hoàng Hoa  **Nghệ thuật**  - Từ ngữ, hình ảnh mang tính ước lệ, tượng trưng  - Cách gieo vần, ngắt nhịp, nghệ thuật đối của thể thơ song thất lục bát  - Phép điệp (điệp ngữ, điệp cấu trúc)  **Tâm trạng**: **“Xót người, ngẩn ngơ”**  🡪 **Mong ngóng, đợi chờ xen lẫn trách hờn, xót xa** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Xác định bố cục và mạch cảm xúc của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **3. Bố cục và mạch cảm xúc của đoạn trích**   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** | | Phần 1 (từ dòng 125 đến dòng 140) | Nỗi thất vọng của người chinh phụ vì sự sai hẹn của người chồng từ buổi ra đi (sai hẹn cả thời gian gặp gỡ và địa điểm gặp gỡ) | | Phần 2 (từ dòng 141 đến dòng 152) | Nỗi nhớ thương, mong ngóng xen lẫn trách hờn của người chinh phụ dành cho chồng | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Nêu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của văn bản. Chỉ ra một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Một số căn cứ để xác định chủ đề:  + Nhan đề: *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ.*  + Hình ảnh: thiên nhiên và thời gian gắn liền với cảm xúc của người chinh phụ, phản ánh nỗi nhớ và tâm trạng cô đơn.  + Từ ngữ: *“hẹn”, “chờ”, “người không thấy”,…*làm nổi bật chủ đề nỗi nhớ thương, chờ mong.  + Tâm trạng nhân vật: diễn ra theo mạch cảm xúc từ nỗi nhớ, lo lắng đến khao khát được đoàn tụ.  + Văn bản thể hiện thông điệp gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **4. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo và thông điệp của đoạn trích**  - **Chủ đề**: Nỗi nhớ thương của người chinh phụ đối với người chồng đi chinh chiến nơi ải xa.  **- Cảm hứng chủ đạo:**  + Thể hiện niềm cảm thông sâu sắc với tình cảnh vò võ, cô đơn của người chinh phụ trẻ có chồng đi chinh chiến nơi ải xa  + Lên tiếng phê phán chiến tranh.  **- Thông điệp:**  **+** Chiến tranh luôn thù nghịch với hạnh phúc, tình yêu  + Hãy thông cảm với nỗi cô đơn của người chinh phụ  + Cảm thông với nỗi đau thương, bất hạnh của con người trong chiến tranh. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm yếu tố nghệ thuật và nội dung của văn bản  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ song thất lục bát độc đáo  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tài tình.  - Biện pháp tu từ được kết hợp nhuần nhuyễn.  - Ngôn ngữ, hình ảnh giàu sức gợi.  **2. Nội dung**  Đoạn trích thể hiện tâm trạng và nỗi niềm của người chinh phụ trong hoàn cảnh chia li, qua đó phản ánh những mất mát do chiến tranh gây ra. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức trò chơi GIẢI MẬT THƯ**

**1. Câu thơ "Lời sao mười hẹn chín thường đơn sai" có ý nghĩa gì?**

A. Lời hứa thường được thực hiện

**B. Lời hứa thường bị thất hẹn**

C. Lời hứa luôn đúng hẹn

D. Lời hứa không đáng tin cậy

**2. Nêu cảm hứng chủ đạo của văn bản.**

A. Thể hiện niềm cảm thông sâu sắc với tình cảnh vò võ, cô đơn của người chinh phụ trẻ có chồng đi chinh chiến nơi ải xa

B. Lên tiếng phê phán chiến tranh.

**C. Cả A và B đều đúng**

D. Cả A và B đều sai

**3. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm:** Mạch cảm xúc trong phần 2 đoạn trích là nỗi nhớ thương, mong ngóng xen lẫn … của người chinh phụ dành cho chồng

**A. Trách hờn**

B. Chờ đợi

C. Hi vọng

D. Đau đớn

**4. Dòng nào dưới đây nhận xét không đúng về *Chinh phụ ngâm* ?**

A. Cảm động trước nỗi đau của con người, nhất là của những người vợ lính trong chiến tranh là động lực để Đặng Trần Côn viết nên khúc ngâm xuất sắc này.

B. Khúc ngâm nói lên sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa.

C. Khúc ngâm thể hiện tâm trạng khát khao tình yêu, hạnh phúc lứa đôi.

**D. Khúc ngâm được viết theo thể thơ lục bát.**

**5. Đoạn trích Nỗi nhớ thương của người chinh phụ của Phan Huy Ích được viết theo thể thơ nào?**

A. Thất ngôn bát cú Đường luật

B. Lục bát

**C. Song thất lục bát**

D. Lục bát biến thể

**6. Hãy chọn một câu thơ/ hình ảnh/từ ngữ mà em yêu thích. Giải thích lí do**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV nêu nhiệm vụ:** Trong văn bản trên, người chinh phụ đã bộc lộ nỗi nhớ thương của mình đối với người chồng đi chinh chiến. Hãy sáng tạo một sản phẩm (có thể viết/ vẽ,…) để bày tỏ tình cảm dành cho người mà em yêu quý.



**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**Tiết.....: Văn bản 2**

**Hai chữ nước nhà**

*- Trần Tuấn Khải -*

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ, sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Về phẩm chất:** Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi gợi dẫn

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV cho HS xem video:** [Khởi Nghĩa Lam Sơn ( 1418 - 1427 ) | Tóm tắt nhanh lịch sử Việt Nam - EZ Sử](https://www.youtube.com/watch?v=7hYLCHS-WHU)

***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:*** *Trên văn đàn hợp pháp ba mươi năm đầu thế kỉ XX, Á Nam Trần Tuấn Khải là một tên tuổi để lại nhiều dấu ấn sâu đậm: “Thơ Trần Tuấn Khải đã rung vào dây đàn yêu nước thương nòi của mọi lòng người” (Xuân Diệu). Là một hồn thơ yêu nước lưu hành công khai, hợp pháp, nên nội dung yêu nước trong thơ ông thường được biểu hiện một cách riêng biệt để có thể lọt qua vòng kiểm duyệt khắt khe của chính quyền thực dân lúc bấy giờ. Mượn đề tài lịch sử để kí thác tâm sự yêu nước là một cách thức biểu hiện hữu hiệu và là một thành công lớn của Trần Tuấn Khải. Trong đó có thể xem****Hai chữ nước nhà****là một bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ ấy. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu những nét đặc sắc của tác phẩm này nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động NGÂM THƠ NGẪU HỨNG**  **GV hướng dẫn HS giải thích một số từ ngữ khó**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em hãy nêu những nét khái quát về tác giả Trần Tuấn Khải và bài thơ “Hai chữ nước nhà”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - HS báo cáo sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, chú thích**  a. Đọc  b. Chú thích  - **Phân mao**: ngày xưa, cỏ ở những nơi cương giới thường được chia ngả về hai phía để phân định cương vực, lãnh thổ.  - **Liễu bồ**: tức bồ liễu, loài cây sớm rụng lá vào mùa đông, xưa thường dùng để ví với người phụ nữ.  - **Chính khí**: sự ngay thẳng, tốt đẹp bên trong con người.  - **Dư uy**: uy lực còn sót lại.  - **Dư đồ**: địa đồ, bức vẽ hình thể đất đai  - **Hồ thỉ:** cái cung bằng gỗ dâu, cái tên bằng cỏ bồng; xưa có tục lệ, nếu sinh con trai thường dùng cung gỗ dâu, tên cỏ bồng bắn bốn phương, biểu trưng cho chí khí người con trai có thể vùng vẫy dọc ngang bốn bể, lập nên công danh hiển hách.  - **Đỉnh chung** (đỉnh: vạc, chung: chuông): ý nói nhà quyền quý, sang trọng.  - **Chiên chúc** (chiên: cháo đặc, chúc: cháo loãng): ý chỉ sự nghèo khó, rau cháo qua ngày.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Trần Tuấn Khải (1895-1983)  - Bút danh: Á Nam, Đông Minh, Đông A Thị…  - Quê: Nam Định,  - Xuất thân nhà Nho nghèo, có truyền thống yêu nước.  - Ông là nhà thơ, nhà văn, nhà báo, dịch giả danh tiếng  - Thơ văn của ông chứa đựng nỗi niềm đau đáu trước cảnh nước mất nhà tan, tấm lòng yêu nước thương dân.  - Sáng tác tiêu biểu: *Duyên phù nợ sinh I - Duyên phù nợ sinh II, Bút quan hoài I - Bút quan hoài II, Hồn tự lập I - Hồn tự lập II, Hồn hoa…*  **b. Tác phẩm**  **Bài thơ “Hai chữ nước nhà”**  - **Dung lượng**: gồm 25 khổ thơ  - **Nội dung**: là lời cha (Nguyễn Phi Khanh) khuyên dặn người con (Nguyễn Trãi) phải biết sống quên mình vì nước nhà.  - **Thể thơ**: song thất lục bát  - **PTBĐ chính**: biểu cảm  **Đoạn trích “Hai chữ nước nhà”**  - **Xuất xứ:** in trong thơ văn Á Nam Trần Tuấn Khải, NXB Văn học, 1984.  - **Vị trí:** từ dòng thơ 29 đến dòng thơ 64 |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Nắm được

+ Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích

+ Nét độc đáo của đoạn trích thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, BPTT

+ Bố cục và mạch cảm xúc của đoạn trích

+ Chủ đề, cảm hứng chủ đạo và thông điệp của đoạn trích

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong bài thơ như thế nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích**  \* Số chữ, số dòng trong một khổ thơ  - VB có 9 khổ thơ  - Mỗi khổ thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu – tám tiếng)  **\* Vần**: Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc). Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng). Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng). Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất kế đó (vần bằng) và cứ thế tiếp tục.  Ví dụ:  Cha xót phận tuổi già sức yếu (T),  Lỡ sa cơ đành chịu (T) bó tay (B),  Thân lươn bao quản vũng lầy (B),  Giang sơn gánh vác sau này (B) cậy con (B).  Con nên nhớ tổ tôn (B) khi trước  **\* Nhịp**  - Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4  - Dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2).  Ví dụ:  Cha xót phận/ tuổi già sức yếu,  Lỡ sa cơ/ đành chịu bó tay, Thân lươn/ bao quản/ vũng lầy,  Giang sơn/ gánh vác/ sau này/ cậy con.  **🡪 Bài thơ tuân thủ thi luật của thể thơ Song thất lục bát.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Tìm một số từ ngữ, hình ảnh trong văn bản mà theo em có tác dụng tăng sức cảm hóa, thuyết phục trong lời khuyên của người cha đối với người con.  + Nêu tác dụng của cách gieo vần, ngắt nhịp, cách sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Nét độc đáo của đoạn trích thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, BPTT**  **a. Từ ngữ, hình ảnh**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Nội dung** | **Nhận xét** | | *“sao cho khỏi thẹn với gương Lạc Hồng”, Kìa Trưng Nữ”, “Kìa Hưng Đạo”, “sông Bạch Đằng”…* | Nòi giống cao quý, nhắc đến những tấm gương anh hùng trong lịch sử | - Những từ ngữ thể hiện tinh thần yêu nước sâu sắc, nồng nàn của người cha  - Khích lệ thế hệ sau tiếp nối cha ông trả mối thù nhà. | | *“vì nước gian lao”, “máu đào còn đây”, “xoay với cuồng phong”, “giết giặc nước, trả thù chồng”, “vì nòi giống huyết chiến bao phen”, “gươm reo chính khí, nước rền dư uy”, “hi sinh thân thế cũng vì nước non”* | Sự quyết tâm và những đau khổ khi mất nước | | *“há để nhường ai”, “thương lấy giống nòi”, “đừng ham phú quý…” “kiếp luồn cúi – nhục >< thân tự to – vinh” “Con ơi! Nhớ đức sinh thành”, “Sao cho khỏi để ô danh với đời”….* | Trọng trách cứu nước lên vai đứa con |   **b. BPTT**  - Sự lặp lại có tính quy luật 7 – 7 – 6 – 8, vần, nhịp (những thanh trắc ở câu bảy, hiệp vần ở hai câu lục bát làm tăng nhạc tính ở từng khổ thơ)  - **Điệp từ**: ***giang******san*** *này vẫn* ***giang san****,*  *thời* ***thế*** *có anh hùng là* ***thế****…*  - **Điệp cấu trúc** *(Kìa…, Kìa…, Con nên nhớ…, Con nay cũng…, Con đương độ…*)  **🡪 Tác dụng:**  + Góp phần tô đậm những dấu ấn vàng son trong lịch sử  + Nhấn mạnh tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc giúp nước nhà. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV tổ chức hoạt động CẶP ĐÔI CHIA SẺ, yêu cầu HS hoàn thành PHT**    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS chia nhóm thảo luận, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **3. Bố cục và mạch cảm xúc của đoạn trích**   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** | | Phần 1 (từ dòng 29 đến dòng 32) | Nỗi đau xót khắc khoải của người cha khi bị bắt đi, không thể làm gì khác được, đành nhờ con thay mình làm tròn bổn phận với nước nhà. | | Phần 2 (từ dòng 33 đến dòng 48) | Niềm tự hào của người cha khi nhắc con nhớ lại những chiến công hào hùng đánh giặc giữ nước trong lịch sử và bổn phận giữ gìn giang sơn của mỗi thế hệ. | | Phần 3 (từ dòng 49 đến dòng 64) | Cảm xúc tha thiết, mãnh liệt khi nhấn mạnh trách nhiệm của con là trang nam nhi đầu đội trời chân đạp đất, phải sống sao cho không hổ thẹn với lịch sử, với tổ tiên, với đấng sinh thành. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV tổ chức hoạt động DỮ LIỆU GIẢ:** Trên bảng là những dữ liệu cho bài học, em hãy gạch bỏ những dữ liệu chứ đúng nhé!   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chủ đề** | **Cảm hứng chủ đạo** | **Thông điệp** | | - Tình yêu thiên nhiên hòa quyện với tình yêu đất nước.  - Lòng yêu nước và niềm đau đáu với vận mệnh dân tộc của người cha.  - Tình cảm cha con nồng thắm | - Phơi bày sự mất mát của dân tộc  - Phê phán chiến tranh  - Ca ngợi tình cảm yêu nước, tự hào dân tộc  - Cảm hứng về bổn phận của kẻ “làm trai” đối với vận mệnh nước nhà | - Hãy thông cảm với nỗi cô đơn của người chinh phụ  - Hãy sống xứng đáng với lịch sử oai hùng của dân tộc, kì vọng của đấng sinh thành  - Trách nhiệm của mỗi con người (không phân biệt gái – trai) trong xã hội.  - Hi sinh hạnh phúc để bảo vệ đất nước |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **4. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo và thông điệp của đoạn trích**  - **Chủ đề**: Lòng yêu nước và niềm đau đáu với vận mệnh dân tộc của người cha  **- Cảm hứng chủ đạo:** Ca ngợi tình cảm yêu nước, tự hào dân tộc và cảm hứng về bổn phận của kẻ “làm trai” đối với vận mệnh nước nhà  **- Thông điệp:**  + Hãy sống xứng đáng với lịch sử oai hùng của dân tộc, kì vọng của đấng sinh thành  + Trách nhiệm của mỗi con người (không phân biệt gái – trai) trong xã hội. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm yếu tố nghệ thuật và nội dung của văn bản  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng thành công thể thơ song thất lục bát.  - Giọng điệu da diết thông thiết và có sức gợi cảm mạnh mẽ.  **2. Nội dung**  Đoạn trích là sự trăn trở của người cha về vận mệnh đất nước. Người cha nhắc nhở con cháu hãy tự hào về nguồn cội và có trách nhiệm với đất nước; phải bảo vệ và xây dựng đất nước, phải sống sao cho xứng đáng với sự hi sinh của thế hệ đi trước. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức trò chơi BẢO VỆ RỪNG XANH**

**1. Tác giả sử dụng hình ảnh nào để ca ngợi tinh thần chiến đấu của Trưng Nữ?**

**A. Phận liễu bồ xoay với cuồng phong**

B. Sóng dữ ba đào

C. Mây trôi gió cuốn

D. Lửa hồng thiêu đốt

**2. Nhân vật người cha đã dẫn ra những câu chuyện, nhân vật lịch sử (trong các dòng thơ từ dòng 37 đến dòng 52) nhằm mục đích gì?**

A. Để so sánh cuộc sống hiện tại với quá khứ hào hùng.

B. Để khuyến khích con nỗ lực học tập và làm việc.

**C. Nhắc cho con nhớ công lao của cha ông, những gì cha ông đã gây dựng và nhắn con hãy bảo vệ lấy nó.**

D. Để thể hiện sự ngưỡng mộ của mình đối với những nhân vật lịch sử đó.

**3. Bài thơ là lời dặn dò của ai với ai?**

A. Của mẹ với con gái

B. Của cha với con gái

C. Của mẹ với con trai

**D. Của cha với con trai**

**4. Bài thơ *Hai chữ nước nhà* mượn giai đoạn lịch sử thời kỳ nào?**

A. Thời quân Tống xâm lược nước ta

**B. Thời quân Minh xâm lược nước ta**

C. Thời quân Thanh xâm lược nước ta

D. Thời nhà Hán nước ta

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức hoạt động Tâm thư…và những lời hứa**

1. Em hãy viết ra những lời từ trái tim mình để cảm ơn sự hi sinh, ngã xuống của người chiến sĩ, cha ông, anh hùng, bà mẹ Việt Nam anh hùng… để chúng ta được sống trong hòa bình ngày hôm nay nhé!

…..

2. Viết ra những lời hứa, trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp bảo vệ đất nước.

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**Tiết.....: Văn bản 3**

**Bức thư tưởng tượng**

*- Lý Lan -*

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản tùy bút

- Liên hệ, kết nối với văn bản *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ* và văn bản *Hai chữ nước nhà* để hiểu hơn về chủ điểm Những cung bậc tình cảm.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Về phẩm chất:** Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi gợi dẫn

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV cho HS nghe bài hát Món quà của cha và chia sẻ cảm xúc sau khi nghe bài hát.**

***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:*** *Tình cảm của cha với con luôn nhẹ nhàng như lời bài hát vậy. Cha luôn im lặng, luôn khó tính, nhưng mục đích cuối cùng vẫn là để các con trưởng thành và nên người. Ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu một văn bản về tình cha con có tên “Bức thư tưởng tượng”. Chúng ta cùng nhau vào bài để tìm hiểu nét đẹp, trân trọng hơn những giá trị tốt đẹp và ý nghĩa trong cuộc sống nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV gọi HS đọc to văn bản**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em hãy nêu những nét khái quát về tác giả Lý Lan và văn bản “Bức thư tưởng tượng”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - HS báo cáo sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc**  Đọc to, rõ ràng  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Lý Lan (sinh năm 1957)  - Quê: Bình Dương  - Là nhà văn, nhà thơ, dịch giả nổi tiếng  - Được biết đến rộng rãi với tư cách dịch giả qua bộ truyện Ha-ry Pốt-tơ.  **b. Tác phẩm**  **-** **Xuất xứ:** trích từ mien man tùy bút, NXB Văn nghệ, 2007  **- Thể loại:** tùy bút  **- Bố cục:**  + Phần 1 (từ đầu đến…khó khăn): giới thiệu về hoàn cảnh của nhân vật tôi.  + Phần 2 (đoạn còn lại): nội dung bức thư. |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Nắm được

+ Nội dung “Bức thư tưởng tượng”.

+ Thông điệp từ “Bức thư tưởng tượng”.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV yêu cầu HS hoàn thành PHT theo bàn**    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS chia nhóm và hoàn thành PHT  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Nội dung “Bức thư tưởng tượng”.**   |  |  | | --- | --- | | **- Nhân vật trung tâm được nhắc đến là ai?** | Nhân vật “tôi” | | **- Một trong những yếu tố quyết định đường đời của nhân vật "tôi" là gì?** | Quyển sách có tựa đề Lê Grăng Cơ, tác giả Ét-mông-đô Đơ A-mi-xi, được Hà Mai Anh dịch là Tâm hồn cao thượng. | | **- Nhân vật "tôi" đã bộc lộ nỗi niềm gì đối với người cha trong bức thư tưởng tượng?** | Bộc lộ tình cảm yêu thương sâu sắc và lòng tự hào về người cha nghèo khó nhưng lương thiện, rất mực yêu thương, chăm sóc cho con của mình. | | **- Theo em, vì sao tác giả lại "viết nó và giấu kín, để chỉ một mình tôi đọc"?** | Vì đây là những tâm tư, nỗi niềm sâu kín mà tác giả không muốn chia sẻ trực tiếp với ai. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Qua văn bản này, tác giả muốn gửi gắm tới người đọc thông điệp gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Thông điệp từ “Bức thư tưởng tượng”.**  - Gia đình luôn là chỗ dựa cho mỗi chúng ta.  - Mọi đứa trẻ luôn khát khao gia đình hạnh phúc.  - Tình cảm cha mẹ dành cho con cái luôn vô bờ bến.  - Ba mẹ luôn bên con, chỗ dựa của con. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm yếu tố nghệ thuật và nội dung của văn bản  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất giúp các sự việc được kể lại thật chi tiết, dễ dàng bộc lộ cảm xúc nhân vật.  **2. Nội dung**  Nhân vật “tôi” viết một bức thư cho cha nhưng bức thư được giấu kín, người cha không hề biết về sự tồn tại của bức thư này. Qua đó, thể hiện khát khao về sự thấu hiểu, tình cảm gia đình và sức mạnh của văn học trong việc nuôi dưỡng tâm hồn. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức trò chơi VÀO RỪNG HÁI NẤM**

**1. Điều gì là một trong những yếu tố quyết định đường đời của nhân vật “tôi”?**

**A. Một quyển sách**

B. Một người bạn

C. Một người thầy

**2. Nhân vật “tôi” nhận được quyển sách này vào thời điểm nào??**

A. Khi học lớp Một

**B. Khi học lớp Nhì**

C. Khi học lớp Ba

**3. Trong bức thư tự viết, nhân vật “tôi” đóng vai ai?**

**A. Người mẹ**

**B. Người bạn**

**C. Người cha**

**4. Trong bức thư, người cha làm nghề gì?**

A. Giáo viên

**B. Bán hàng rong**

C. Công nhân

**5. Quyển sách mà nhân vật “tôi” nhắc đến có tên là gì?**

**A. Tâm hồn cao thượng**

B. Tuổi thơ tươi đẹp

C. Những tấm lòng cao cả

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức hoạt động CÙNG CHIA SẺ:** Em có thường xuyên chia sẻ suy nghĩ, tình cảm với người thân hay không? Nếu có, em chia sẻ bằng cách nào?

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT...... THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù**

Nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

**2. Về phẩm chất:**

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (phiếu học tập,...)

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức trò chơi RUNG CHUÔNG VÀNG - Giải mã từ Hán Việt**

**1. Đây là một từ Hán Việt dùng để chỉ người có tài năng và đạo đức; có một sở trường nào đó, những người có tài năng, năng lực vượt trội ở lĩnh vực nào đó như kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học... và có đóng góp cho xã hội**

🡪 Nhân tài

**2. Đây là một từ Hán Việt dùng để chỉ bề tôi trung thành với vua.**

🡪 Trung thần

**3. Đây là một từ Hán Việt dùng để chỉ điều gì đó hoàn toàn biến mất**

🡪 Tuyệt chủng

**4. Đây là một từ Hán Việt dùng để chỉ sách viết về quân sự thời cổ**

🡪 Binh thư

**5. Đây là một từ Hán Việt có nghĩa là người trong cùng một giống nòi, dân tộc, đất nước**

🡪 Đồng bào

**6. Đây là một từ Hán Việt có nghĩa là không hoặc ít lo nghĩ, sống hồn nhiên và không nghĩ đến lợi ích riêng tư**

🡪 Vô tư

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** Chúng ta vừa điểm qua một số từ Hán Việt. Và từ Hán Việt là một trong những từ rất khó giải nghĩa, dễ nhầm lẫn. Vậy làm thế nào để phân biệt, nhận diện từ Hán Việt, cô mời cả lớp cùng vào bài học ngày hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu nội dung kiến thức về cách nhận biết và cách giải nghĩa một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn HS phân tích, nhận biết và phân biệt được một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tri thức tiếng Việt**  **1. Nhận biết một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn**        **2. Cách phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn**  **- Dựa vào từ có chứa yếu tố Hán Việt đồng âm để suy luận**  + **Di** cư: chuyển đến nơi khác, nước khác để sinh sống (mang nghĩa chuyển dịch)  + **Di** sản: tài sản của người đã mất để lại (mang nghĩa để lại)  **🡪 Yếu tố đồng âm “di”, nhưng không cùng nghĩa**  **🡺 Cần suy luận để giải nghĩa**  **- Tra cứu từ điển**  Ví dụ: “Đăng”  + Nghĩa là “đèn”: hải đăng, minh đăng, hoa đăng…  + Nghĩa là “bước lên”: đăng cao, đăng sơn, đăng đài, đăng đàn…  + Nghĩa là “ghi vào”: đăng kí, đăng bạ…  + Nghĩa là “in lên báo chí”: đăng tải, đăng bài… |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 1,2,3,4  **GV tổ chức hoạt động THINK- PAIR- SHARE yêu cầu HS hoàn thành PHT** (bài 5)    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, làm bài  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS suy nghĩ và hoàn thành bài tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1**  a. “đồng” (chữ Hán viết “同”), có nghĩa “cùng, cùng nhau”.  b. “đồng” (chữ Hán viết “童”), có nghĩa “đứa trẻ”.  **Bài 2**    **Bài 3**    - Yếu tố Hán Việt “minh” trong “minh châu, biện minh, minh mẫn” là yếu tố Hán Việt đa nghĩa với các nghĩa: “sáng; làm cho rõ; sáng suốt”. Trong phần *Tri thức Ngữ văn*, yếu tố này được định dạng là *minh*1.  - Trong khi đó, yếu tố “minh” trong “thệ hải minh sơn (*minh*3) và yếu tố “minh” trong “khắc cốt minh tâm” (*minh*4) là các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa.  **Bài 4**   |  |  | | --- | --- | | Bình minh | lúc trời vừa hửng sáng, còn gọi là rạng đông hay hừng đông.  🡪 “Minh” ở đây mang nghĩa “sáng”. | | Văn minh | là trạng thái tiến bộ về cả vật chất lẫn tinh thần của xã hội loài người, tức là trạng thái phát triển cao của nền văn hoá.  🡪 “Minh” ở đây mang nghĩa “sáng”. | | Hắc bạch phân minh | + “hắc” nghĩa là “đen”  + “bạch” nghĩa là “trắng”  + “phân” nghĩa là “phân biệt, phân định”  + “minh” ở đây mang nghĩa “làm cho rõ”.  🡪 Như vậy, “hắc bạch phân minh” được hiểu là “phân biệt cho rõ trắng đen”. |   **Bài 5**  **Tương đồng/ Đồng thời**   |  |  | | --- | --- | | **Tương đồng** | **Đồng thời** | | nghĩa là “giống nhau” | nghĩa là “cùng một lúc” | | 🡪 Cặp từ này mỗi từ đều mang yếu tố “đồng” có nghĩa “cùng, cùng nhau”. | |   **Đồng thoại/ Đồng dao**   |  |  | | --- | --- | | **Đồng thoại** | **Đồng dao** | | chỉ truyện viết cho trẻ em nói chung | chỉ những bài hát, thơ ca dân gian truyền miệng của trẻ em. | | 🡪 Cặp từ này mỗi từ đều mang yếu tố “đồng” có nghĩa “đứa trẻ”. | |   **Đồng bệnh tương lân/ Đồng can cộng khổ**   |  |  | | --- | --- | | **Đồng bệnh tương lân** | **Đồng can cộng khổ** | | + Nghĩa đen: “cùng có bệnh (giống nhau) thì thương xót lẫn nhau”  + Nghĩa bóng: khi người ta ở cùng một hoàn cảnh giống nhau thì người ta thông cảm với nhau, hiểu cho nhau | + Nghĩa đen là “cùng hưởng vị ngọt, cùng nếm vị đắng”  + Nghĩa bóng: khi vui sướng cũng như lúc khó khăn đều luôn cận kề sát cánh, chia sẻ cùng nhau, trong mọi hoàn cảnh đều có nhau | | 🡪 Cặp từ ngữ này mỗi từ đều mang yếu tố “đồng” có nghĩa “cùng, cùng nhau” | | |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức hoạt động BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN:** Lập từ điển phân biệt một số yếu tố Hán Việt đồng âm và gần âm dễ nhầm lẫn (ít nhất 20 từ)

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**Tiết.....: Văn bản 4**

**Tì bà hành**

*- Bạch Cư Dị -*

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ, sự khác biệt so với thơ lục bát.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Về phẩm chất:** Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu:** Phiếu học tập, trò chơi

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi gợi dẫn

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Cách 1: GV cho HS nghe tiếng đàn và phát biểu cảm nghĩ.**

**Cách 2: GV tổ chức hoạt động THINK- PAIR- SHARE:** Chia sẻ một số tác phẩm viết về số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Ví dụ: “Chinh phụ ngâm” (Đặng Trần Côn), “Bánh trôi nước” (Hồ Xuân Hương), “Đoạn trường tân thanh” (Nguyễn Du), “Cung oán ngâm” (Nguyễn Gia Thiều)…

***🡪 GV dẫn dắt vào bài học:*** *Thời đại phong kiến trọng nam khinh nữ, đầy rẫy những sự bất công oan trái. Bị ảnh hưởng và phải chịu đựng nhiều nhất chính là người phụ nữ. Thế nhưng, những người phụ nữ ấy vẫn luôn xinh đẹp, nết na, giàu lòng thương yêu và hết mực quan tâm đến mọi người xung quanh. Ta có thể bắt gặp lại hình ảnh của họ qua các tác phẩm văn học, một trong số đó là bài thơ “Tì bà hành” của Bạch Cư Dị. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu tác phẩm này nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động ĐỌC TÍCH CỰC**  - HS cần đọc lướt qua bài đọc/phần đọc để tìm ra những gợi ý từ hình ảnh, tựa đề, từ/cụm từ quan trọng.  - HS đọc bài/phần đọc và biết liên tưởng tới những gì mình đã biết và đoán nội dung khi đọc những từ hay khái niệm mà các em phải tìm ra.  - HS tìm ra ý chính của bài/phần đọc qua việc tập trung vào các ý quan trọng theo cách hiểu của mình.  - HS chia sẻ kết quả đọc của mình theo nhóm 2, hoặc 4 và giải thích cho nhau thắc mắc (nếu có), thống nhất với nhau ý chính của bài/phần đọc đọc.  **GV hướng dẫn HS giải thích một số từ ngữ khó**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em hãy nêu những nét khái quát về tác giả Bạch Cư Dị và bài thơ “Tì bà hành”  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - HS báo cáo sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc, chú thích**  a. Đọc  b. Chú thích  - **Trúc ti**: trúc và tơ, tức sáo và đàn  - **Đàn đá kíp dây**: ý nói tiếng đàn chuyển thành nhanh  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **- Bạch Cư Dị (772 – 846)**  - Là nhà thơ nổi tiếng thời nhà Đường và là người đóng vai trò quan trọng trong lịch sử thơ ca Trung Quốc.  - **Phong cách sáng tác**: thơ ca phải gắn với đời sống, phản ánh được hiện thực xã hội  **b. Tác phẩm**  **- HCST**: khoảng thời gian vừa bị cách chức, đày làm Giang Châu Tư mã.  **- Xuất xứ:** in trong thơ Đường, tập 2, Phan Huy Vinh dịch, NXB Văn học, 1987.  - **Thể thơ**: song thất lục bát  - Bài thơ mang đậm tính hiện thực và tinh thần nhân văn, thể hiện lòng thương người, sự đồng cảm với những mảnh đời bất hạnh, đồng thời nói lên tâm sự, nỗi lòng của chính nhà thơ. |

**Phần II. Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Nắm được

+ Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích

+ Nét độc đáo của đoạn trích thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, BPTT

+ Bố cục và mạch cảm xúc của đoạn trích

+ Chủ đề, cảm hứng chủ đạo và thông điệp của đoạn trích

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Thi luật của thơ song thất lục bát được thể hiện trong bài thơ như thế nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  **1. Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát thể hiện trong đoạn trích**  \* Số chữ, số dòng trong một khổ thơ  - VB có 13 khổ thơ  - Mỗi khổ thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu – tám tiếng)  **\* Vần**: Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc). Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng). Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng). Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất kế đó (vần bằng) và cứ thế tiếp tục.  Ví dụ:  Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách (T)  Quạnh hơi thu, lau cách (T) đìu hiu (B).  Người xuống ngựa, khách dừng chèo (B),  Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều (B) trúc ti (B).  Say những luống ngại khi (B) chia rẽ,  **\* Nhịp**  - Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4  - Dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2).  Ví dụ:  Say những luống/ ngại khi chia rẽ,  Nước mênh mông/ đượm vẻ gương trong.  Đàn ai/ nghe vẳng/ ven sông,  Chủ khuây/ khỏa lại/, khách dùng/ dằng xuôi.  **🡪 Bài thơ tuân thủ thi luật của thể thơ Song thất lục bát.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV tổ chức hoạt động DƯ ÂM TIẾNG ĐÀN, yêu cầu HS hoàn thành PHT theo nhóm tổ**    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS chia nhóm thảo luận và hoàn thành PHT  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Nét độc đáo của đoạn trích thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, BPTT**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các lần đánh đàn** | **Nghệ thuật miêu tả tiếng đàn** | **Dẫn chứng** | | Lần thứ nhất | - Được tả văng vẳng từ xa  - Im bặt khi có người hỏi thăm | *- “Đàn ai nghe vẳng ven sông”*  *- “Dừng dây tơ nấn ná làm thinh”.* | | Lần thứ 2 | - Tiếng đàn gần kề ngay bên tai, ngay trước mặt, đồng thời được miêu tả cụ thể, trực tiếp  - Tiếng đàn biến hoá linh hoạt không ngừng (như mưa rào, như câu chuyện thầm thì, như hạt châu nảy trên mâm ngọc, như tiếng chim hót, như nước suối tuôn; lúc lại như xé lụa…)  - Tiếng đàn ấy “não ruột”, muốn “giãi bày hết nỗi trước sau muôn vàn”, trải lòng về một cuộc đời sóng gió, thăng trầm của người ca nữ.  🡪 Những câu thơ miêu tả âm thanh nhưng lại tràn ngập hình ảnh, đắm đuối, mê say, rung động lòng người. Cả người nghe lẫn người diễn tấu đều bị chinh phục bởi sức mạnh kì diệu của tiếng đàn. | *- “Vặn đàn mấy tiếng dạo qua/ Dẫu chưa nên khúc tình đà thoảng bay”;*  *-“Ngón buông bắt khoan khoan dìu dặt/ Trước Nghê thường sau thoắt Lục yêu”.*  *- “Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước/ Ngựa sắt giong, xô xát tiếng đao”…*  *- “Nghe não ruột khác tay đàn trước/ Khắp tiệc hoa sướt mướt lệ rơi”.* | | Lần thứ 3 | Tiếng đàn lại vang lên, lúc này, cảm xúc của người ca nữ đã nhận được sự đồng cảm của Giang Châu Tư mã, tức tác giả Bạch Cư Dị.  🡪 Cảm xúc của người diễn tấu và người nghe đã hoà làm một, đạt đến sự đồng điệu. | *“Lại ngồi lựa phím đàn đà kíp dây”* |   **\* Tình cảm của tác giả**  - Tác giả – người nghe đã tiếp nhận tiếng đàn từ xa đến gần,  + Tiếng đàn lúc đầu là đối tượng thưởng thức 🡪 sau đã trở thành sự đồng điệu, đồng cảm, hoà làm một với tâm tình tác giả.  + Giang Châu Tư mã hiểu cuộc đời thăng trầm, vất vả của người ca nữ 🡪 ngẫm đến cuộc đời cũng đầy gian truân, lận đận của bản thân.  **🡺 Có thể xem tác giả – người nghe đàn là tri âm của người ca nữ đánh đàn.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Nêu mạch cảm xúc của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS lắng nghe, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **3. Bố cục và mạch cảm xúc của đoạn trích**   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục** | **Mạch cảm xúc** | | Phần 1 (từ dòng 1 đến dòng 12) | Nỗi buồn man mác trong khung cảnh khuya trên bến Tầm Dương văng vẳng tiếng đàn | | Phần 2 (từ dòng 13 đến dòng 40) | Cảm xúc trào dâng theo tiếng đàn nhiều cung bậc như chính cuộc đời ba chìm bảy nổi của người ca nữ | | Phần 3 (từ dòng 77 đến dòng 88) | Cảm xúc lắng đọng của những người đồng điệu, tri âm | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV tổ chức hoạt động, KỸ THUẬT “3 LẦN 3”:** Xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo và thông điệp của văn bản?  YÊU CẦU: trong thời gian 3 phút, mỗi HS cần viết 3 đáp án và trao đổi với 3 bạn trong lớp (cùng bàn hoặc cùng tổ), sau đó chốt lại vấn đề.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **4. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo và thông điệp của đoạn trích**  - **Chủ đề:** Sự đồng cảm với nỗi niềm và thân phận người ca nữ.  - **Cảm** **hứng** **chủ đạo:** Cảm hứng về sự đồng điệu của những cảm xúc đẹp đẽ, sâu lắng giữa người chơi đàn và người nghe đàn.  **- Thông** **điệp**: Nghệ thuật cần có sự đồng cảm giữa người nghệ sĩ và người thưởng thức |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tìm yếu tố nghệ thuật và nội dung của văn bản  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng thành công thể thơ song thất lục bát.  - Ngôn ngữ của bài thơ giàu hình ảnh, giàu âm nhạc  - Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật  - Bài thơ có cấu trúc chặt chẽ, mạch lạc, các ý thơ được sắp xếp hợp lý, tạo nên một chỉnh thể hoàn chỉnh.  **2. Nội dung**  Bài thơ thể hiện sự cảm thông sâu sắc của tác giả đối với những con người tài hoa nhưng bạc mệnh. Qua hình ảnh nữ nhạc công tài hoa, Bạch Cư Dị đã vẽ nên một bức tranh sinh động về cuộc đời trôi nổi, đầy cay đắng của những con người tài năng nhưng không được trọng dụng. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức trò chơi TƯỚI HOA**

**1. Nêu mạch cảm xúc của phần 1 bài thơ (từ dòng 1 đến dòng 12).**

🡪 Nỗi buồn man mác trong khung cảnh đêm khuya trên bến Tầm Dương văng vẳng tiếng đàn

**2. Trong văn bản, người ca nữ đã đàn bao nhiêu lần?**

🡪 3 lần

**3. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là gì?**

🡪 Cảm hứng về sự đồng điệu giữa cảm xúc đẹp đẽ và sâu lắng giữa người chơi đàn và người nghe đàn

**4. Trong bài thơ Tì bà hành của Bạch Cư Dị, ngay lần đầu tiên nghe tiếng đàn của người ca kĩ, cả nhân vật Chủ và Khách đều cảm thấy như thế nào?**

🡪 Không thể dời bước chân đi.

**5. Qua tiếng đàn Tì bà hành, Bạch Cư Dị muốn gửi gắm điều gì?**

🡪 Số phận của người ca nữ

**6. Câu thơ "Cùng một lứa bên trời lận đận - Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau" trong bài thơ Tì bà hành của Bạch Cư Dị thể hiện điểm chung gặp gỡ nào của nhà thơ với người ca nữ?**

🡪 Cả hai cùng là những người có tài nhưng lại gặp những cảnh ngộ éo le, lận đận trong cuộc đời.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức hoạt động Chân dung người ca nữ:** Em hãy tưởng tượng và vẽ bức chân dung người ca nữ được miêu tả trong văn bản.

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT:……**

**Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù**

Viết được một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin

**2. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học (bảng kiểm…)

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV tổ chức hoạt động

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV chia lớp thành 3 nhóm (có thể giao về nhà hoặc thực hiện trực tiếp trên lớp). Mỗi nhóm sẽ cùng nhau vẽ một bức tranh (hình ảnh, nhân vật, chi tiết…..) liên quan đến tác phẩm mình bốc được (Nỗi nhớ thương của người chinh phụ; Hai chữ nước nhà; Tì bà hành). Sau đó Hs trình bày lý do vì sao lại lựa chọn hình ảnh đó để thể hiện tác phẩm

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Vừa rồi, chúng ta đã cùng nhau chiêm ngưỡng những bức tranh văn học đặc sắc của các nhóm. Các em đã lựa chọn và giải thích được vì sao sử dụng hình ảnh đó để thể hiện tác phẩm. Điều đó chứng minh được các em đã có sự am hiểu về chủ đề và cảm xúc trong tác phẩm ấy. Vậy, việc phân tích một tác phẩm văn học cần làm rõ những đặc sắc nào về nghệ thuật và nội dung? Chúng ta cùng đến với bài học ngày hôm nay.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Phần I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được tri thức về kiểu bài nghị luận phân tích về một tác phẩm văn học.

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS tìm hiểu

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức trò chơi GIẢI MẬT THƯ: Phân tích một tác phẩm văn học** (nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó) thuộc kiểu bài (1)…….., trong đó người viết dùng (2)………để làm (3)……….., những nét đặc sắc về (4)……… của tác phẩm và hiệu quả của nó đối với việc thể hiện (5)…......  **Mật thư:**  + nội dung tác phẩm  + hình thức nghệ thuật  + nghị luận văn học  + lí lẽ, bằng chứng  + sáng tỏ chủ đề  **GV yêu cầu HS:** Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những yêu cầu cần lưu ý khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS tham gia trò chơi và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**  **1. Khái niệm**  **Phân tích một tác phẩm văn học** (nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó) thuộc kiểu bài **nghị luận văn học**, trong đó người viết dùng **lí lẽ, bằng chứng** để làm **sáng tỏ chủ đề**, những nét đặc sắc về **hình thức nghệ thuật** của tác phẩm và hiệu quả của nó đối với việc thể hiện **nội dung tác phẩm**.  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài**  - **Về nội dung:** phân tích được nội dung chủ đề, nêu và phân tích được tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật đối với việc thể hiện nội dung.  - **Về hình thức**: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc, sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của văn bản.  **- Bố cục bài viết cần đảm bảo:** 3 phần  **+ Mở bài**: giới thiệu về tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  **+ Thân bài**: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.  **+ Kết bài:** khẳng định lại ý kiến về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |

**Phần II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS phân tích được bài mẫu, từ đó nhận biết các yêu cầu về kiểu bài

**b. Nội dung**: GV tổ chức hoạt động

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động NHIỆM VỤ CHO AI**  Gv chia lớp thành 4 nhóm, đại diện 4 nhóm lên bốc thăm nhiệm vụ  **Câu 1.** Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.  **Câu 2.** Nhận xét về cách văn bản phân tích các khía cạnh nội dung chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật.  **Câu 3.** Theo em, phân tích, đánh giá một số nét đặc sắc nghệ thuật của một tác phẩm thơ khác gì so với tác phẩm truyện?  **Câu 4.** Từ văn bản trên, em rút ra kinh nghiệm gì khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ: chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS chia nhóm và hoàn thành nhiệm vụ  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Hướng dẫn phân tích kiểu bài**  **Văn bản:***Bài văn phân tích, đánh giá tác phẩm Trong lời mẹ hát (Trương Nam Hương)*  **Câu 1.** Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.  **- Luận đề:** Giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Trong lời mẹ hát* (Trương Nam Hương)  **- Luận điểm 1:** Chủ đề ý nghĩa lời ru và các khía cạnh nội dung của chủ đề  **- Luận điểm 2:** Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng thể hiện chủ đề  **Câu 2.** Nhận xét về cách văn bản phân tích các khía cạnh nội dung chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật.  - Đầu tiên, người viết nêu chủ đề và một số căn cứ để xác định chủ đề  - Sau đó, người viết lần lượt phân tích, làm rõ từng khía cạnh nội dung của chủ đề bằng cách đưa ra các lí lẽ và bằng chứng lấy từ tác phẩm.  - Tiếp theo, người viết sử dụng lí lẽ và bằng chứng lấy từ tác phẩm để phân tích, đánh giá hiệu quả thẩm mĩ của hai nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ là hình ảnh thơ và âm hưởng toàn bài thơ.  **Câu 3.** Theo em, phân tích, đánh giá một số nét đặc sắc nghệ thuật của một tác phẩm thơ khác gì so với tác phẩm truyện?  - Kiểu bài phân tích, đánh giá một số nét đặc sắc nghệ thuật của một tác phẩm thơ khác với tác phẩm truyện ở chỗ **đặc điểm hình thức của thể loại.**   |  |  | | --- | --- | | **Thơ** | **Truyện** | | Từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,… | Cốt truyện, tình huống, nhân vật, ngôi kể, sự việc, chi tiết nghệ thuật,… |   **Câu 4.** Từ văn bản trên, em rút ra kinh nghiệm gì khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ: chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật và hiệu quả thấm mĩ của nó?  - Khi viết bài bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ, cần chú ý phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó. |

**Phần III. Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được quy trình, các bước viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn học sinh phân tích quy trình viết

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Đề bài:**Hãy viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ mà em yêu thích, làm rõ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.  **GV hướng dẫn HS từng bước tìm hiểu quy trình viết**  **Khi tìm hiểu nội dung Tìm ý, Gv yêu cầu HS hoàn thành phiếu tìm ý cho bài thơ “Khóc Dương Khuê”**    **1. Tên bài thơ:** Khóc Dương Khuê  **2. Tên tác giả:** Nguyễn Khuyến  **3. Chủ đề bài thơ:** Nỗi lòng thương tiếc, xót xa của mình dành cho người bạn quá cố.  **4. Một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật:**   |  |  | | --- | --- | | **Hình thức nghệ thuật** | **Tác dụng** | | - Cách nói giảm: *Bác Dương thôi đã thôi rồi!*  - Biện pháp nhân hóa: *Nước mây man mác.*  - Cách nói so sánh*: Tuổi già giọt lệ như sương.*  - Các câu hỏi tu từ, câu cảm thán*: Làm sao bác vội về ngay; Vội vàng sao đã mải lên tiên,* ... *Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!”*  - Cách sử dụng lối liệt kê, điệp ngữ*: Có lúc, có khi, cũng có khi…*  - Điển tích, điển cố: *đông bích, điển phần, dương cửu, đẩu thăng, giường, đàn*  *-* Điệp từ *“không”: “Rượu ngon không có bạn hiền*  *Không mua không phải không tiền không mua.”* | - Làm giảm đi những mất mát đau thương.  - Nhằm diễn tả sự ra đi của bạn cũng khiến đất trời thương xót.  - Gợi hình , gợi cảm ...  - Những tâm sự thầm kín của những người bạn tri âm.   - Tạo âm hưởng trùng điệp  - Những kỉ niệm vui buồn, đẹp đẽ, và nỗi đau khi mất bạn  - Sự trống vắng đến nghẹn ngào chua xót. |   **Khi tìm hiểu nội dung Lập dàn ý, GV áp dụng KỸ THUẬT “VIẾT TÍCH CỰC”**  Yêu cầu: hãy xây dựng dàn ý cho bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học  HS xây dựng dàn ý trong thời gian 5 phút 🡪 chia sẻ trước lớp  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, hoàn thành nhiệm vụ  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Hướng dẫn quy trình viết**  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  - **Chọn một đoạn trích** thuộc **thể loại ngâm khúc/thơ**.  - **Xác định**: Mục đích viết bài này là gì? Người đọc bài này có thể là ai? Với mục đích và người đọc đó, nội dung và cách viết sẽ như thế nào?  - Tìm các nguồn **tư** **liệu tham khảo** như: bài báo, bài nghiên cứu, sách tham khảo ở thư viện hoặc các trang web uy tín có liên quan đến bài thơ đã chọn và lập danh mục tư liệu tham khảo.  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý**  Đọc bài thơ vài lần để xác định nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của hình thức nghệ thuật đối với việc thể hiện nội dung văn bản (tham khảo phiếu tìm ý sau):    **\* Lập dàn ý**   |  |  | | --- | --- | | Mở bài | - Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả  - Khái quát những nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật) | | Thân bài | - Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm  - Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ một vài khía cạnh nội dung chủ đề  - Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật  - Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm | | Kết bài | - Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc trong tác phẩm  - Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |   **Bước 3: Viết bài**  **Từ dàn ý, em viết bài văn hoàn chỉnh. Khi viết cần chú ý:**  - Kết hợp nêu luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.  - Tách đoạn hợp lí và sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.  - Sử dụng một số cách viết để mở bài và kết bài hấp dẫn như: trích những đoạn thơ cùng chủ đề với tác phẩm cần phân tích, trích dẫn danh ngôn, nhận định về tác giả, tác phẩm,…  - Trong một số trường hợp, em có thể trao đổi với các ý kiến trái chiều về tác phẩm để làm cho nội dung bài viết thêm phong phú.  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**    • Đọc lại bài viết của mình từ vai trò người đọc và trả lời các câu hỏi sau:  1. Em thích điều gì ở bài viết này?  2. Bài viết này nên điều chỉnh những gì để đáp ứng yêu cầu của kiểu bài? |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Đề bài:**Hãy viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ mà em yêu thích, làm rõ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

**Bước 1:** hoàn thành phiếu tìm ý

**Bước 2:** lập dàn ý cho bài viết

**Bước 3:** chuyển từ dàn ý thành bài viết cụ thể

**Bài viết tham khảo**

Bài thơ *Hạt gạo làng ta*là một trong những tác phẩm nổi tiếng của Trần Đăng Khoa. Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương sâu sắc, niềm tự hào và sự trân trọng hạt gạo, biểu tượng cho sức lao động và sự cần cù của người nông dân Việt Nam. Chủ đề ấy, được thể hiện qua nghệ thuật: sử dụng hình ảnh, ngôn từ gần gũi, sinh động kết hợp với các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp từ, điệp ngữ… tạo nên âm hưởng trầm bổng và cảm xúc dạt dào.

Trong các chủ đề gợi ra từ bài thơ *Hạt gạo làng ta*, tôi ấn tượng nhất với chủ đề sự trân trọng hạt gạo, biểu tượng cho sức lao động và cần cù của người nông dân Việt Nam. Từ đó, khơi gợi lòng biết ơn đối với thiên nhiên, đất đai và niềm tự hào về văn hóa dân tộc.

Hạt gạo là biểu tượng cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người dân Việt Nam, được Trần Đăng Khoa miêu tả một cách sinh động và gần gũi:

Hạt gạo làng ta

Có vị phù sa

Của sông Kinh Thầy

Có hương sen thơm

Trong hồ nước đầy

Có lời mẹ hát

Ngọt bùi đắng cay

Hạt gạo lớn lên nhờ phù sa màu mỡ từ sông Kinh Thầy, nó không chỉ cung cấp dinh dưỡng cho cây lúa mà còn mang theo sự sống của quê hương. Tác giả khéo léo kết nối hạt gạo với đất đai, tạo ra hình ảnh gần gũi, tươi đẹp. Đặc biệt, hình ảnh hoa sen gợi lên sự thanh sạch, tinh khiết. Hương sen hòa quyện với hạt gạo, làm nổi bật vẻ đẹp của quê hương, nơi hạt gạo được sinh ra. Và hạt gạo đi vào trong những câu hát ngọt bùi mẹ vẫn hát mỗi ngày.

Hạt gạo làng ta còn là kết quả của những năm tháng lao động gian khổ. Để lúa nước có thể thành hình với những hạt gạo trắng muốt, nuôi sống con người, là cả một quá trình đầy gian khổ và đắng cay:

Hạt gạo làng ta

Có bão tháng bảy

Có mưa tháng ba

Giọt mồ hôi sa

Những trưa tháng sáu

Nước như ai nấu

Chết cả cá cờ

Cua ngoi lên bờ

Mẹ em xuống cấy.

Những cơn bão vào tháng bảy, cơn mưa vào tháng ba khiến những ruộng đồng ngập trong biển nước. Những ngày tháng sáu, trời trưa nắng nóng như chảy lửa, nước như “ai nấu”, khiến cho cá cờ chết, cua phải ngoi lên bờ. Điều này nói lên những thử thách mà người nông dân phải đối mặt trong quá trình canh tác. Hình ảnh *“Giọt mồ hôi sa”* không chỉ ghi lại sự vất vả mà còn tôn vinh tinh thần lao động miệt mài. Câu thơ *“Nước như ai nấu”* tạo ra cảm giác nóng bức, gợi lên sự khắc nghiệt của thời tiết, trong khi hình ảnh *“Cua ngoi lên bờ”* và *“Mẹ em xuống cấy”*thể hiện sự sống động của cảnh vật và con người trong quá trình lao động.

Việc trồng lúa trong những năm tháng của cuộc chiến tranh còn thêm khó khăn bội phần.

Những năm bom Mĩ

Trút lên mái nhà

Những năm khẩu súng

Theo người đi xa

Những năm băng đạn

Vàng như lúa đồng

Những năm tháng chiến tranh khắc nghiệt đã biến những cánh đồng trồng trọt của người nông dân thành những bãi chiến trường ngập trong lửa và khói. Trong bối cảnh đó, họ không chỉ nỗ lực tăng gia sản xuất mà còn trở thành hậu phương vững chắc cho quân đội, góp phần quan trọng vào cuộc kháng chiến trường kì. Mỗi hạt gạo thu hoạch được là thành quả của biết bao gian khổ, là minh chứng cho sức chịu đựng và lòng kiên cường của những người nông dân, những chiến sĩ thầm lặng trong cuộc chiến giành độc lập.

Để làm nổi bật các nội dung chủ đề, tác giả đã khéo léo sử dụng những hình thức nghệ thuật đặc sắc. Đầu tiên, phải kể đến biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ *“Hạt gạo làng ta”*được lặp lại nhiều lần nhằm nhấn mạnh ý, nghĩa và vai trò của hạt gạo đối với người nông dân Việt Nam. Sử dụng ngôn từ giản dị, gần gũi nhưng sâu lắng phù hợp với chủ đề của bài thơ. Hình ảnh hạt gạo trong bài thơ rất sinh động và cụ thể. Tác giả sử dụng các hình ảnh so sánh *“Nước như ai nấu”, “Vàng như lúa đồng”*, hình ảnh nhân hóa *“Hạt gạo làng ta/ Nằm trong bàn tay mẹ tròn tròn”*nói lên sự đặc biệt quí giá của hạt gạo và những giọt mồ hôi láng giềng của những bà mẹ Việt Nam. Nhịp điệu của bài thơ nhẹ nhàng và đều đặn, phù hợp với nội dung và cảm xúc của tác giả. Điều này phản ánh công việc lao động vất vả, cần mẫn của họ, mang lại cảm giác bình yên và gần gũi, làm nổi bật tình yêu quê hương và giá trị của lao động trong cuộc sống hằng ngày.

Bài thơ là một bản tình ca ngợi ca vẻ đẹp của lao động và tình yêu quê hương. Qua hình ảnh hạt gạo, tác giả đã khắc họa sâu sắc nỗi vất vả của người nông dân trong cuộc sống hàng ngày, đồng thời tôn vinh giá trị của mồ hôi và công sức mà họ dành cho đất đai. Nhờ vào ngôn ngữ giản dị nhưng giàu hình ảnh, nhịp điệu hài hòa, bài thơ đã chạm đến trái tim của người đọc, gợi nhớ và khơi dậy niềm tự hào về nguồn cội, về những hạt gạo – biểu tượng của sự sống và văn hóa dân tộc Việt Nam.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV hướng dẫn HS đánh giá bài viết dựa trên mẫu phiếu đã học**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT….. : NÓI VÀ NGHE**

**Thảo luận về một vấn đề trong đời sống**

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra

**2. Về phẩm chất**

- Kỉ luật, biết lắng nghe

- Chăm chỉ: chăm học, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**

- Một số hình ảnh, phiếu kiểm liên quan đến nội dung bài học.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức hoạt động CHÂN DUNG GEN Z**

Hãy liệt kê 3 đặc điểm tiêu biểu và 1 vấn đề lớn mà giới trẻ đang đối mặt.  
(Gợi ý: 3 đặc điểm tiêu biểu: Cá tính mạnh mẽ và sáng tạo; Am hiểu công nghệ; Quan tâm đến giá trị xã hội;

Vấn đề đối mặt: Việc thể hiện bản thân một cách không phù hợp; Chạy theo xu hướng mà quên đi giá trị cá nhân….)

*-* ***GV dẫn vào bài học:*** *Chúng ta sẽ cùng nhau vào bài học ngày hôm nay luôn nhé! Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em trao đổi, thảo luận về một vấn đề trong đời sống, cụ thể hơn như thế nào, vấn đề nào sẽ được chọn để giải quyết, cô mời cả lớp vào bài nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** Nắm bắt được quy trình thực hiện bài thảo luận

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn học sinh nắm được các bước thực hiện và thực hành bài thảo luận

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Đề bài.**Thảo luận về **cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay** trong buổi sinh hoạt lớp.  **GV hướng dẫn HS từng bước thực hiện**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tiếp nhận vấn đề  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, lắng nghe sự gợi dẫn của GV  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **Quy trình thực hiện**  **Bước 1: Chuẩn bị**  - Thành lập nhóm và phân công nhiệm vụ  - Xác định đề tài thảo luận nhóm  - Thống nhất mục tiêu, thời gian thảo luận  - Xác định đối tượng người nghe, cách nói  - Chuẩn bị nội dung thảo luận, dự kiến các ý kiến trái chiều và ý kiến khi thảo luận  - Sử dụng mẫu phiếu để ghi lại các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trước khi tham gia thảo luận, dự kiến phản hồi các ý kiến trái chiều…    **Bước 2: Thảo luận**  **- Vòng 1: Thảo luận trong nhóm nhỏ**  + Đầu tiên, lần lượt từng thành viên trình bày ý kiến  + Các thành viên phản hồi ý kiến  + Cuối cùng cả nhóm thống nhất ý kiến về vấn đề cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay.  **- Vòng 2: Thảo luận giữa các nhóm**  - **Lưu ý:** khi thảo luận, cần bám sát mục tiêu của buổi thảo luận, tránh xa đề, lạc đề, cần lắng nghe, ghi chép ý kiến của các bạn; đồng thời cần tích cực đóng góp ý kiến, phản hồi ý kiến của các bạn.  **Bước 3: Suy ngẫm và rút kinh nghiệm**  **- Sau khi kết thúc thảo luận, em hãy:**  + Nêu ít nhất hai điều bản thân hoặc các thành viên trong nhóm đã làm tốt trong quá trình thảo luận.  + Nêu hai điều bản thân và các thành viên cần rút kinh nghiệm, điều chỉnh để lần thảo luận sau đạt hiệu quả cao hơn. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức hoạt động**

Thiếu niên nói

**Đề bài.**Thảo luận về **cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay** trong buổi sinh hoạt lớp.

**Bước 1:** hoàn thành phiếu thảo luận

**Bước 2:** xây dựng dàn ý theo bố cục 3 phần

**Bước 3:** phát triển thành 1 bài nói và tham gia trình bày trước lớp

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở** **bài** | - Giới thiệu chủ đề thảo luận: "Cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay".  - Nêu tầm quan trọng của việc thể hiện bản thân. |
| **Thân bài** | **\* Phân tích một số cách thể hiện bản thân phổ biến của giới trẻ hiện nay:**  **- Sử dụng mạng xã hội**  + Facebook, Instagram, tiktok…  + Chia sẻ những câu chuyện, hình ảnh, video…  **- Thời trang:**  + Giới trẻ ngày nay có xu hướng lựa chọn trang phục cá tính, độc đáo, thể hiện sở thích và phong cách riêng.  + Một số bạn trẻ thích cosplay, theo đuổi các trào lưu thời trang mới nhất.  **- Qua nghệ thuật:**  + Tham gia hoạt động nghệ thuật: âm nhạc, vẽ tranh, làm video sáng tạo…  + Truyền tải thông điệp…  **- Tham gia vào các hoạt động xã hội, thiện nguyện**  + Bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, quyền trẻ em…  + Ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng…  **\* Đánh giá ưu và nhược điểm của một số cách thể hiện bản thân:**  **- Ưu điểm:**  + Giúp giới trẻ tự tin, khẳng định bản thân.  + Phát triển khả năng giao tiếp, sáng tạo và độc lập.  + Kết nối với những người có cùng sở thích.  **- Nhược điểm:**  + Một số cách thể hiện bản thân có thể ảnh hưởng đến sức khỏe, thời gian và học tập.  + Dễ bị cuốn theo trào lưu, đánh mất bản thân.  + Gây ra những tranh cãi, mâu thuẫn trong xã hội.  **\* Thảo luận về những vấn đề cần lưu ý khi thể hiện bản thân:**  - Thể hiện bản thân đúng mực, phù hợp với hoàn cảnh.  - Tôn trọng giá trị văn hóa, đạo đức và truyền thống.  - Tránh những hành vi thể hiện bản thân thái quá, gây ảnh hưởng đến người khác. |
| **Kết bài** | - Khẳng định tầm quan trọng của việc thể hiện bản thân một cách tích cực.  - Kêu gọi giới trẻ thể hiện bản thân đúng cách, phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh. |

**Bài nói tham khảo**

Xin chào các bạn, tớ tên là Thảo Nguyên. Hôm nay tớ sẽ trao đổi với các bạn về chủ đề *“Cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay”*.

Trong xã hội hiện đại, cách thể hiện bản thân của giới trẻ đã trở nên đa dạng và phong phú hơn bao giờ hết. Với sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng xã hội, giới trẻ có nhiều cơ hội để bộc lộ cá tính, quan điểm và sở thích của mình.

Điều đầu tiên, tớ muốn nói đến chính là việc giới trẻ sử dụng mạng xã hội như Facebook, Instagram, TikTok,… để thể hiện bản thân. Họ có thể chia sẻ hình ảnh, video và câu chuyện cá nhân để giao lưu và kết nối với bạn bè. Những bài đăng không chỉ đơn thuần là thông tin cá nhân mà còn phản ánh phong cách sống, sở thích và cá tính của từng người.

Thứ hai, thời trang là một trong những cách thể hiện bản thân mạnh mẽ. Giới trẻ hiện nay thường chọn cho mình những bộ trang phục độc đáo, thể hiện cá tính và phong cách riêng. Sự đa dạng trong cách ăn mặc không chỉ giúp họ nổi bật mà còn cho thấy sự sáng tạo và khác biệt trong gu thẩm mĩ.

Thứ ba, nhiều bạn trẻ không chỉ dừng lại ở việc thể hiện bản thân qua hình thức mà còn thông qua nghệ thuật. Họ tham gia vào các hoạt động nghệ thuật như âm nhạc, vẽ tranh, viết lách, hay làm video sáng tạo. Những sản phẩm nghệ thuật này không chỉ là phương tiện thể hiện bản thân mà còn là cách để truyền tải những thông điệp xã hội, những vấn đề mà họ quan tâm.

Cuối cùng, ngoài việc thể hiện bản thân thông qua nghệ thuật hay mạng xã hội, giới trẻ còn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, tình nguyện. Họ mong muốn góp phần thay đổi xã hội và thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề như bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, và quyền con người. Những hành động này không chỉ thể hiện bản thân mà còn tạo ra ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng.

Như vậy, cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay không chỉ đơn thuần là những hình thức bề ngoài mà còn là sự kết hợp giữa cá tính, sở thích và quan điểm sống. Việc tìm ra và thể hiện bản thân một cách chân thực là điều vô cùng quan trọng, giúp giới trẻ tự tin, khẳng định bản thân, phát triển khả năng giao tiếp, sáng tạo và độc lập, kết nối với những người có cùng sở thích. Giới trẻ đang ngày càng nhận thức rõ hơn về giá trị của bản thân và dũng cảm thể hiện điều đó ra ngoài xã hội.

Bên cạnh những ưu điểm nổi trội, thì việc thể hiện bản thân còn tồn tại song song một số nhược điểm như: một số cách thể hiện bản thân có thể ảnh hưởng đến sức khỏe, thời gian và học tập, dễ bị cuốn theo trào lưu, đánh mất bản thân, gây ra những tranh cãi, mâu thuẫn trong xã hội.

Vậy câu hỏi đặt ra là “Làm sao để vừa thể hiện được bản thân, vừa tránh được những điều không mong muốn mà chúng ta vừa đề cập ở trên?” Cách đúng nhất và cần nhất là chúng ta nên thể hiện bản thân đúng mực, phù hợp với hoàn cảnh, tôn trọng giá trị văn hóa, đạo đức và truyền thống, tránh những hành vi thể hiện bản thân thái quá, gây ảnh hưởng đến người khác.

Việc thể hiện bản thân sẽ trở nên rất tốt đẹp nếu chúng ta biết cân nhắc những điều nên và không nên. Chúng ta cùng nhau lựa chọn và thể hiện bản thân một cách đúng đắn nhé!

Trên đây là một số ý kiến của tớ về *“Cách thể hiện bản thân của giới trẻ hiện nay”*. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ thầy (cô) và các bạn.



**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. GV yêu cầu HS theo dõi và thực hiện đánh giá theo bảng kiểm mẫu**

**2. GV tổ chức hoạt động 3 BỚT- 4 LÀM- 5 NHỚ**

Hs tự rút ra bài học dựa trên những gợi ý

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT...... : ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực riêng biệt:**

- Tổng hợp kiến thức trong chủ đề 8

**b. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**2. Về phẩm chất**

- Nghiêm túc, chăm học

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kế hoạch bài dạy

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức trò chơi KHỈ CON TRANH TÀI**

**1. Nêu tên chủ đề bài 8?**

🡪 Những cung bậc tình cảm

**2. Đặc điểm thơ song thất lục bát (số dòng thơ, số chữ trên dòng thơ)?**

🡪 Gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu - tám tiếng) luân phiên kế tiếp nhau trong toàn bài.

**3. Thành tựu của thể thơ song thất lục bát gắn liền với thể loại thơ nào?**

🡪 Thể ngâm khúc

**4. Vì sao cần chia sẻ tình cảm của mình với người khác và thấu hiểu cảm xúc của họ?**

- Chúng ta chia sẻ tình cảm của mình với người khác để được thấu hiểu, cảm thông.

- Người khác chia sẻ cảm xúc, chúng ta cần thấu hiểu, tôn trọng cảm xúc để họ cảm thấy được an ủi, yêu thương.

**5. Có bao nhiêu cách để phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn?**

🡪 2 cách

**6. Trong chủ đề 8, em được học những văn bản thuộc thể loại nào?**

🡪 Thơ song thất lục bát

**7. Nêu cách ngắt nhịp trong thơ song thất lục bát.**

- Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4

- Dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn

+ dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2

+ dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2

**8. Theo em, thể thơ song thất lục bát có tồn tại những biến thể của nó hay không?**

🡪 Có

**9. Hãy nêu những cách để phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn?**

- Dựa vào từ có chứa yếu tố Hán Việt đồng âm để suy luận

- Tra cứu từ điển

**10. Để đọc hiểu một bài thơ thuộc thể thơ song thất lục bát, em cần chú ý những yếu tố gì?**

- Xác định và phân tích một số yếu tố thi luật

- Làm rõ nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, BPTT

- Xác định và phân tích tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, chủ đề, tư tưởng, thông điệp

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Trò chơi vừa rồi đã giúp các em củng cố lại một chút kiến thức chúng ta đã học trong bài 7. Chúng ta sẽ tiếp tục điểm qua lại kiến thức đó qua các bài tập ngày hôm nay nhé!*

**Hoạt động 2: Ôn tập**

**a. Mục tiêu:** Hệ thống được nội dung vấn đề đã học trong chủ đề

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập 1,3,4**  **GV áp dụng kĩ thuật KHĂN TRẢI BÀN, yêu cầu HS chia nhóm và hoàn thành PHT**  **+** Nhóm 1: hoàn thành nội dung cho văn bản “Nỗi nhớ thương của người chinh phụ”  + Nhóm 2: hoàn thành nội dung cho văn bản “Hai chữ nước nhà”  + Nhóm 3: hoàn thành nội dung cho văn bản “Tì bà hành”    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS tham gia hoạt động, hoàn thành bài tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 1**  **Số chữ, số dòng**  - Mỗi khổ thơ gồm cặp song thất (bảy tiếng) và cặp lục bát (sáu – tám tiếng)  **Vần**  - Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ 5 của dòng thất tiếp theo (vần trắc).  - Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng).  - Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ 6 của dòng bát (vần bằng).  - Tiếng cuối của dòng bát hiệp vần với tiếng thứ 5 của dòng thất kế đó (vần bằng).  **Nhịp**  - Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4  - Dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2).  **Thanh điệu**  - Cặp song thất lấy tiếng thứ ở vị trí thức 3 làm chuẩn, có thể là thanh B hoặc thanh T không bắt buộc.  - Cặp lục bát, tuân thủ theo sự đối xứng B-T theo quy định  **Bài 2**  ***\** Văn bản: *Nỗi nhớ thương của người chinh phụ***  **- Từ ngữ, hình ảnh độc đáo:** Sử dụng từ ngữ, hình ảnh ước lệ: *Lâm hành, oanh chưa bén liễu, ước nẻo quyên ca, ý nhi, đăng đồ, mai chưa dạn gió, độ đào bông, tuyết mai, phù dùng.*  **- Mạch cảm xúc**: Nỗi thất vọng của người chinh phụ vì sự sai hẹn của người chồng từ buổi ra đi (sai hẹn cả thời gian gặp gỡ và địa điểm gặp gỡ) 🡪 Nỗi nhớ thương, mong ngóng xen lẫn trách hờn của người chinh phụ dành cho chồng  **- Cảm hứng chủ đạo**  + Thể hiện niềm cảm thông sâu sắc với tình cảnh vò võ, cô đơn của người chinh phụ trẻ có chồng đi chinh chiến nơi ải xa  + Lên tiếng phê phán chiến tranh.  **- Chủ đề**: Nỗi nhớ thương của người chinh phụ đối với người chồng đi chinh chiến nơi ải xa.  ***\** Văn bản:** *Hai chữ nước nhà*  **- Từ ngữ, hình ảnh độc đáo**: Những từ ngữ thể hiện tinh thần yêu nước sâu sắc, nồng nàn của người cha: *“vì nước gian lao”, “máu đào còn đây”, “xoay với cuồng phong”, “giết giặc nước, trả thù chồng”, “vì nòi giống huyết chiến bao phen”, “gươm reo chính khí, nước rền dư uy”, “hi sinh thân thế cũng vì nước non”*…..  **- Mạch cảm xúc**: Nỗi đau xót khắc khoải của người cha khi bị bắt đi, 🡪 Niềm tự hào của người cha khi nhắc con nhớ lại những chiến công hào hùng 🡪 Cảm xúc tha thiết, mãnh liệt khi nhấn mạnh trách nhiệm của con  **- Cảm hứng chủ đạo**: Ca ngợi tình cảm yêu nước, tự hào dân tộc và cảm hứng về bổn phận của kẻ “làm trai” đối với vận mệnh nước nhà  **- Chủ đề**: Lòng yêu nước và niềm đau đáu với vận mệnh dân tộc của người cha  *\** **Văn bản:** *Tì bà hành*  **- Từ ngữ, hình ảnh độc đáo**: Những câu thơ miêu tả tiếng đàn  **- Mạch cảm xúc**: Nỗi buồn man mác trong khung cảnh khuya trên bến Tầm Dương văng vẳng tiếng đàn 🡪 Cảm xúc trào dâng theo tiếng đàn nhiều cung bậc như chính cuộc đời ba chìm bảy nổi của người ca nữ 🡪 Cảm xúc lắng đọng của những người đồng điệu, tri âm  **- Cảm hứng chủ đạo**: Cảm hứng về sự đồng điệu của những cảm xúc đẹp đẽ, sâu lắng giữa người chơi đàn và người nghe đàn.  **- Chủ đề**: Sự đồng cảm với nỗi niềm và thân phận người ca nữ.  **Bài 3**  *Ngập ngừng/ lá rụng cành* ***trâm*** *(B),*  *Buổi hôm nghe dậy/ tiếng* ***cầm*** *(B) xôn xao.*  137. *Hẹn nơi nao,/ Hán Dương cầu* ***nọ*** *(T),*  *Chiều lại tìm,/ nào* ***có*** *(T) tiêu* ***hao*** *(B)*  *Ngập ngừng/ gió thổi áo* ***bào*** *(B),*  *Bãi hôm tuôn dẫy/ nước* ***trào*** *(B) mênh* ***mông*** *(B).*  141. *Tin thường lại/ người* ***không*** *(B) thấy* ***lại*** *(T),*  *Hoa dương tàn/ đã* ***trải*** *(T) rêu* ***xanh*** *(B).*  *Rêu xanh/ mấy lớp chung* ***quanh*** *(B),*  *Chân đi một bước,/ trăm* ***tình*** *(B) ngẩn ngơ.*  - **Vần**: vần bằng.  - **Nhịp**: đa dạng  🡪 Thể hiện tâm trạng bâng khuâng, ngỡ ngàng, buồn thương của nhân vật trữ tình  **Bài 4**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố Hán Việt** | **Nghĩa** | | ***Thần đồng*** | Yếu tố “đồng” trong “thần đồng” có nghĩa “đứa trẻ”  🡪 “thần đồng” để chỉ đứa trẻ có khả năng vượt trội ở một lĩnh vực nào đó. | | ***Đồng tâm hiệp lực*** | Yếu tố “đồng” trong “đồng tâm hiệp lực” có nghĩa “cùng, cùng nhau”  🡪 “đồng tâm hiệp lực” là chung lòng góp sức lại với nhau để làm những việc lớn, đạt đến mục đích chung. | | ***Đồng minh hội*** | Yếu tố “minh” trong “đồng minh hội” có nghĩa “thề; có quan hệ tín ước”  🡪 “đồng minh hội” để chỉ một tổ chức với các thành viên đã cùng thề, cùng giao ước/ thoả thuận/ cam kết với nhau. | | ***Tường minh*** | Yếu tố “minh” trong “tường minh” có nghĩa “làm cho rõ”  🡪 “tường minh” có nghĩa là diễn đạt trực tiếp, rõ ràng. | |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức hoạt động CÙNG CHIA SẺ**

**Câu 5.** Rút ra những điều cần lưu ý khi viết bài văn nghị luận phân tích một văn bản thơ: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó.

- Xác định được chủ đề và phân tích các khía cạnh nội dung chủ đề, đánh giá ý nghĩa, giá trị của chủ đề bài thơ.

- Phân tích, đánh giá được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật như dạng thức xuất hiện của chủ thể trữ tình, kết cấu, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,…và đánh giá được hiệu quả thẩm mĩ của chúng trong việc thể hiện nội dung chủ đề của văn bản.

**Câu 6.**Theo em, để cuộc thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống trở nên thú vị và hữu ích, cần có những điều kiện gì?

**Theo em, để cuộc thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống trở nên thú vị và hữu ích, cần có những điều kiện:**

- Chọn chủ đề phù hợp: thú vị, gần gũi và có tính thời sự.

- Tạo môi trường thoải mái để mọi người đều có cơ hội phát biểu ý kiến.

- Chọn người dẫn dắt để giữ cho cuộc trò chuyện đi đúng hướng và không bị lạc đề, đồng thời đưa ra câu hỏi mở để kích thích tư duy và tạo ra sự tương tác.

- Ghi lại những điểm chính và kết luận để mọi người có thể ghi nhớ và áp dụng trong thực tế.

🡪 Những điều kiện này sẽ giúp cuộc thảo luận trở nên thú vị, hiệu quả và có giá trị thực tiễn cho tất cả các thành viên tham gia.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu HS đọc trước chủ đề 9**

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**